

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : _____ Yes, _____ No _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN HUU DUC
Last Middle First

Current Address 9A/11 Nguyen An Ninh, KP.12, P.3, T/P MY THO, VN.

Date of Birth 6/5/40 Place of Birth MY THO

Previous Occupation (before 1975) CAPTAIN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 5/2/75 To 9/9/87

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

HUYNH KIM LONG, 3002 LITTLE

BROTHER-IN-LAW

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN HUU DUC
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
QUACH THI THANH HUONG	6/10/1948	WIFE

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN HUU DUC
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 6 5 1940
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ✓ Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): ✓
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : _____
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ✓ No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 5/2/75 To (Den): 9/9/87

PLACE OF RE-EDUCATION: _____
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): _____

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): CAPTAIN
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): /
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): _____

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro): _____

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): _____

NAME & SIGNATURE: _____
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____

DATE: _____
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN HUU DUC
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES:	DATE OF BIRTH:	RELATIONSHIP TO PA.
QUACH THI THANH HUONG	6/10/1948	WIFE

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
Thủ Đức.

Số 123/GK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số đơn: QLTG/87
Số: 123/GK

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 66/BCA TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Họ và tên: **Nguyễn Hữu Đức** có đến

M 13

ngày **31** tháng **8** năm **1987**

Bộ Nội Vụ.

Nguyễn Hữu Đức.

40

Mỹ Tho.

9A/11 Nguyễn An Ninh, Mỹ Tho, Tiền Giang.

Đại úy Trưởng Đoàn Kiểm soát Liên đoàn 7, BĐQ

2/5/1975

An phát

TTC T

Họ và tên: **Nguyễn Hữu Đức** có đến

9A/11 Nguyễn An Ninh, Mỹ Tho, Tiền Giang.

Nhân sự qua trình cải tạo:

Quá trình cải tạo ở trại Anh Đức đã cố gắng. Trong trại tập

học tập về chấp hành nội quy trại có tiến bộ.

Tiền di cương đã cấp đủ từ trại về đến gia đình.

Được sự phân công của UBND Phường, xã:

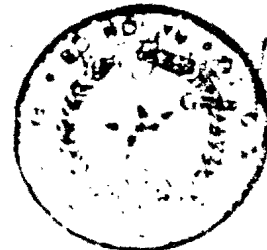
Nơi cư trú.

Trước ngày **15** tháng **9** năm **1987**

Nguyễn Hữu Đức.

Họ tên chữ ký
người được cấp giấy

Đức



Thiếu tá: **Trình Nhu**

SƠ YẾU LÝ LỊCH

- Họ và TÊN = NGUYỄN - HỮU - ĐỨC
- Ngày tháng và nơi sinh : 05-06-1940 Tại xã Mỹ Khê Huyện Thanh Bình Mỹ Tho.
- Chỗ ở trước ngày 30-4-75 : Hẻm Hố Lạc Định Phường Tầm
- Chỗ ở hiện nay : 9A/11 Nguyễn An Ninh thành phố Mỹ Tho.
- Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt-Nam.
- Trình độ văn hóa : Bằng Trung học sơ nhất cấp Lớp 8 năm B
- Trình độ nhập ngũ : 04-05-62 tại Tiểu khu Mỹ Tho Thủ Đức
- Huân chương I HSQ/Tư tá - Khoa IV Đặc Biệt Sĩ Quan Tư Tá tại trường Bộ Binh Thủ Đức năm 1966
- Các Đơn vị Phục vụ : Binh chủng Pháo binh Từ năm 1962 đến 1966 :
TD 22 Pháo Binh - TD 5 Súng Cối - TD 101 Pháo Binh.
Binh chủng Lục Lương Đặc Biệt. Từ năm 1966 đến 1971 :
Trung Tâm Huấn Luyện Hành Quân DELTA (PROJECT DELTA) - Bрай Гіт -
Kịch - Quân Branch Tả (Đoàn AVN : 142 - TEAM A có vị Mỹ 424)
Binh chủng Biệt Động Quân : Từ năm 1971 đến 30/04/75 :
TD 66 BĐQ/Kiên Phòng - TD 93 KĐQ Kiên Phòng - TD 32 KĐQ Tiếp ứng
Liên Đoàn 7 Biệt Động Quân.
Chức vụ sau cùng : Sĩ Quan Kiềm Sát thuộc 197 KĐQ Tăng
phái Quân Vu Thị Trấn Sài Gòn + Gia Định.
Cấp bậc sau cùng : Đại úy (chấp cấp ngày 1-1-74)
- Trình độ Học Tập : Cao cấp ngày 08-05-75.
Học Tập Cao cấp qua các Bрай : Cao Lãnh - Bрай Cao cấp 14 yểm trợ
Hải Cờ số 6 yểm trợ - CTG yểm trợ - Z30 C Hải Cờ Thuận Hải - Z30
D Thủ Đức Thuận Hải.
Được thả ra khỏi trại ngày : 09-09-87
Tên họ cha : Nguyễn Văn Mèo (chết)
Tên họ mẹ : Bùi Thị Ngọc (chết)
Tên họ vợ : Quách Thị Thanh - Hưởng
Ngày và năm sinh : 10-06-1948
Đời hôn nhân : 08-10-87.



QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANT

Câu hỏi cho người nộp đơn.

O.D.P IV : _____

Date :
Ngày : _____

Fill out this questionnaire in English: Mail or send the completed as completely as possible. If you : questionnaire to : cannot read or write in English, fill : it out in Vietnamese.

Xin điền vào sổ câu hỏi sau đây bằng :
tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn :
không đọc hoặc viết rành Anh ngữ thì :
bằng tiếng Việt.

LÝ LỊCH CÁN BỘ

- 1- Name : NGUYỄN - HUU - DUC Sex :
Họ, tên : Phái: Nam
- 2- Other name :
Họ, tên khác : _____
- 3- Date/ Place of Birth :
Ngày và nơi sinh : 05-06-1940 Làng Tân-Khóm Mỹ Xá-Diễn Hòa An
- 4- Residence address :
Địa chỉ thường trú : 9A/11 Nguyễn An Ninh Khu Phố 12 Phường 3
Thành Phố Mỹ Tho
- 5- Mailing address :
Địa chỉ thư từ : 9A/11 Nguyễn An Ninh KP. 12 P. 3 Thành Phố Mỹ Tho
- 6- Current occupation :
Nghề nghiệp hiện tại : Bất Nghiệp

B/ Relatives to Accompany Me/ Bà con cũng đi với tôi
(Note: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (M) as follows: Married (M), Divorced (D), widowed (W), or single (S)
(Chú ý: vợ chồng và con cái ở thể độc thân đi với bạn mà thôi. Không khai tình trạng gia đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ góa thê (W), hoặc độc thân (S))

NAME	Date of birth	Place of birth	Sex	Relation
Ngày/tháng/năm	Nơi sinh	Phái	Liên hệ gia đình	Liên hệ gia đình

- | | | | | |
|-------------------------|-----------|---------------------------|----|-----|
| 1/ Quách-Thị-Bạch Hương | 10-6-1948 | Diễn Hòa Bình Tỉnh Mỹ Tho | Nữ | Con |
| 2/ | | | | |
| 3/ | | | | |
| 4/ | | | | |
| 5/ | | | | |
| 6/ | | | | |
| 7/ | | | | |
| 8/ | | | | |
| 9/ | | | | |

(Note: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying persons do not live with you, please note their addresses in section I below (Chú ý: cho mỗi người có tên trên danh sách chúng tôi cần 1 bản khai sinh, giấy thú (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị) giấy khai tử của vợ, chồng (nếu góa phụ/góa thê) thẻ căn cước (nếu có) và hình. Nếu bà con sẽ cộng đi với bạn không chung ngụ với bạn hiện tại xin viết địa chỉ của họ trong phần 1.)

C. Relatives Outside Vietnam/Mẹ hàng ở ngoại quốc.

Of Myself/của tôi : Of my spouse/of của, vợ chồng

1- Closest Relatives In the U.S

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ

a- Name

Họ, tên

b- Relationship

Liên hệ gia đình

c- Address

Địa chỉ

d- Date of Relatives Arrival

Ngày bà con đến Mỹ.

2- Closest Relatives in other Foreign Countries

Bà con thân thuộc ở các nước khác

a- Name

Họ, tên

b- Relationship

Liên hệ gia đình

c- Address

Địa chỉ

D. Complete Family listing (Living/Dead) Danh sách toàn thể gia đình (sống/chết)

1- Father

Cha : NGUYỄN-VĂN-Mèo (chết)

2- Mother

Mẹ : Bùi-Thị-Ngọc (chết)

3- Spouse

Vợ, chồng : Quách-Thị-Thanh-Hương

4- Former spouse (if any)

Vợ/chồng trước (nếu có)

5- Children

con cái : 1/ _____
2/ _____
3/ _____
4/ _____
5/ _____
6/ _____
7/ _____
8/ _____

6- Siblings

Anh chị em : 1/ (Anh Ruột) Nguyễn-hữu-chí (chết)

2/ _____
3/ _____
4/ _____

: Anh Vợ -
: HUỲNH-KIM-Long

: CHỊ VỢ :
HUỲNH-THỊ-HANH
HLM LA MONNAIE LES SAUVES
N°31 ALLÉE 1.

5/ _____
 6/ _____
 7/ _____
 8 / _____
 9 / _____

E. Employment by U.S Government Agencies or other U.S Organization of you or your spouse: Bạn hoặc vợ chồng đã có làm việc cho công sở của chính phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ.

- 1- Employee Name
 Tên họ nhân viên _____
 Position title _____
 Chức vụ _____
 Agency/ Company/ office _____
 Sở / hãng / văn phòng _____
 Length of employment _____
 Thời gian làm việc _____
 From _____ To: _____
 Từ _____ Đến: _____
 Name of American supervisor : _____
 Tên họ giám thị Mỹ _____
 Reason for Separation : _____
 Lý do nghỉ việc _____
- 2- Employee Name
 Tên họ nhân viên _____
 Position title _____
 Chức vụ _____
 Agency/ Company /Office _____
 Sở / hãng / Văn phòng _____
 Length of employment _____
 Thời gian làm việc _____
 From : _____ To : _____
 Từ : _____ Đến : _____
 Name of American Supervisor: _____
 Tên họ giám thị Mỹ : _____
 Reason for separation : _____
 Lý do nghỉ việc _____
- Employee Name
 Tên, họ nhân viên _____
 Position Title _____
 Chức vụ _____
 Agency/ Company/ Office _____
 Sở / Hãng / Văn phòng _____
 Length of employment: _____
 Thời gian làm việc _____
 From: _____ To : _____
 Từ : _____ Đến: _____
 Name of American supervisor: _____
 Tên, họ giám thị Mỹ : _____
 Reason for separation: _____
 Lý do nghỉ việc _____

F. Service with GVN or RVNF By you or your spouse/ Bạn hoặc vợ/chồng đã công vụ với chính phủ Việt Nam.

- 1- Name of person serving
 Họ tên người tham gia NGUYỄN - HỮU - ĐỨC
- 2- Dates
 Ngày tháng năm _____
 From : _____ To : _____
 Từ : 7-5-1962 Đến: 30-4-1975
- 3- Last rank
 Cấp bậc cuối cùng Đại úy Serial Number : _____
 Số thẻ nhân viên: 60A/179975
- 4- Ministry/ office/Military Unit
 Bộ / Sở / Đơn vị binh chủng Pháo binh + Lực lượng Đặc biệt + B.Đ.Đ.Đ.
- 5- Name of supervisor/ C.Q.
 Họ tên người giám thị/Sĩ quan chỉ huy NGUYỄN - KIM - TÂY
Lưu đơn Bưu ý LQ2BĐQ

6- Reason for separation

Lý do nghỉ việc.

Ngày 30-4-75. CSVN chiếm miền Nam.

7- Names of American Advisor (S)

Họ tên cố vấn Mỹ.

Không nhớ tên (Cố vấn Mỹ PROJECT DELTA và TEAM

8- U.S training courses in Vietnam

Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ tại Việt Nam.

A.414 (biết rõ tên) tại
BKA. Ban hành 8/1/1967 (Cố vấn)
(54DBM)

9- U.S Awards of certificates

Name of award

Date received :

Phân thưởng hoặc giấy khen. 1 giấy chứng nhận của "ICAV"

Ngày nhận : 1967

(Note: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates if available)

Available ? Yes _____ No _____

Chú ý: khi bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy ban khen, hoặc chứng chỉ nếu có. Dương sự có không ? Có _____ Không X (Đã trình bày)

10. Training outside Vietnam of you or your spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã huấn luyện ngoài quốc.

1- Name of student / trainee

Họ tên sinh viên/ người được huấn luyện: _____

2- School and school Address :

Trường và địa chỉ Nhà trường : _____

3- Dates :

From :

To :

Ngày tháng năm

Từ :

Tới :

4- Description of courses :

Mô tả ngắn gọn học : _____

5- Who paid for training:

AI đài thọ chương trình huấn luyện? _____

(Note: Please attach copies of diplomas or orders, if available.)

Available ? Yes _____ No _____

Chú ý : xin bạn kèm theo văn bằng hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có _____ Không _____

11. Re-education of you or your spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo

1- Name of person in Reeducation :

Họ tên người đi học tập cải tạo : NGUYỄN - HỮU - ĐỨC.

2- Time in Reeducation : From

Thời gian học tập:

từ 03-06-75

To :

Tới : 09-09-1987.

3- Still in Reeducation : Yes

Vẫn còn học tập cải tạo? Có

No

Không X

(If released we must have a copy of your release certificate)

(Nếu được thả, chúng tôi cần 1 bản sao giấy ra trại)

12- Any additional Remarks (Ghi chú phụ thuộc)

Signature

Tên : Đức

Date

Ngày : 05-02-1988

13- Please list here all Documents Attached to this Questionnaire

Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này.

1- 01 Bản Sao giấy ra Trại.

2- 01 Bản Sơ yếu lý lịch

3- 01 Bản thi vi khai sinh

4- 01 Giấy Phép kết hôn

5- 01 Giấy chứng nhận kết hôn.

6- 01 Bức thư khai sinh của V3)

7- 01 Bản quy định tiền hạn làm
li thành hôn trong thời hạn 6 tháng.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THỊ-XÃ MỸ-THO

PHƯỜNG

Số hiệu: 902



TRÍCH-LỤC KHAI-SANH

lập ngày 12 tháng 6 năm 1948

Tên họ đứa trẻ: QUÁCH - THỊ THANH - HUONG

Trai hay gái: GÁI

Ngày sanh: Le 10 Juin 1948

Nơi sanh: Maternité provinciale

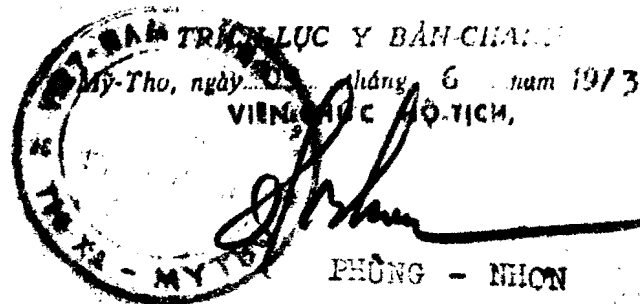
Tên họ cha: /

Tên họ mẹ: QUÁCH - THỊ - HAI

Vợ chánh hay không

có hôn thú: /

Tên họ người khai: HUỖNH - THỊ - NGHĨA



GIẤY PHÉP KẾT HÔN

(Luật-Thị số 650 - 403 ngày 27-01-1972)

68
Tae

I - PHẦN DÀNH CHO QUÂN NHÂN XIN KẾT-HÔN : ĐƠN XIN KẾT-HÔN

8065

1. - p-bậc, Binh, ngạch, Họ tên quân-nhân xin kết-hôn :
Lương sỹ CLQ/TB
NGUYEN HUU DUC

2. - Số quân và Đơn-vị :

Số quân 60/17.975

Đoàn BCH/LĐ.7/ĐQ
BCH/ĐDQ/ĐIV+TĐ

3. - Ngày, nơi sinh : 05.06.1940 Tại Long

4. - Gia-cảnh : Doi Than

5. - Họ tên cha mẹ : NGUYEN VAN KEM và BUI THI NGOC

6. - Họ tên vị hôn thê : QUACH THI THANH HUONG

7. - Nghề-nghiệp : Học Sinh

8. - Ngày, nơi sinh : 10.06.1948 Tại DIEU HOA
DIEM TUONG

9. - Gia-cảnh : Doi Than

10. - Địa-chỉ : Số 117/13 Đường CUNG QUYNH

Quận LI

11. - Họ tên cha mẹ vị hôn thê : CHA (Vo Danh) MẸ QUACH THI GIAI

12. CAM-KẾT :

Tôi xin cam-kết hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu vi-phạm điều 12 Luật Gia-đình (1) và trong trường hợp người phối-ngẫu của tôi là cô ~~NGUYEN~~ QUACH THI THANH HUONG trong thời gian chung sống với tôi có những hoạt-động phương hại đến an-ninh Quốc-gia hay hành những nghề có thể làm tổn thương đến danh dự QLVNCH (Điều 191 Sắc-luật : 13/CT/LQG/SL ngày 20.10.64 bắt buộc người vợ quân-nhân phải tự bỏ nghề của mình nếu nghề này xét có phương hại cho thanh danh của Quân-Đội)

13. - Lần tại KBC. 0025, ngày 15.05.1973

Chữ ký của quân-nhân xin kết-hôn :

Chua

II - QUYẾT-ĐỊNH CỦA GIỚI CHỨC THẨM QUYỀN

Số : 12867 /TĐM.TQT.ĐIV.HTP.

15. - Cấp-bậc, Họ tên, Chức-vụ của giới chức thẩm quyền :

Thiếu Tướng NGUYEN XUAN TRANG
Tham Mm Phó Nha Văn

Chấp thuận và lưu-ý quân nhân được phép kết-hôn :

- a/- Quyết-Định cho phép kết-hôn này chỉ có giá-trị trong phạm-vi QLVNCH và có hiệu-lực trong vòng 6 tháng kể từ ngày ban hành. Quá thời hạn này đương-sự phải xin triển hạn hay huỷ bỏ.
- b/- Ngoài những hình phạt về Quân-kỷ, nếu vi-phạm (Luật-Thị) số 650 - 403 ngày 27.01.1972 đương-sự còn có thể bị truy-tố trước pháp-luật chiếu theo Sắc-luật 15/64 ngày 23.7.64.

16. - NƠI NHẬN :

17. - KBC. 4002, ngày 15/5/73

(Ấn ký của giới chức thẩm quyền)

vet

- Đại Đại CHGV/LĐ/LĐ (2 ban)

- Bộ a/t h/s và tang d/t a/s

- Bộ TĐM/P.TQT (TĐSGN)

- Tiểu Đoàn 6 Quân Cảnh

- Văn h/s do a/t vị hôn thê

- Lưu

TL BỊ TQT CAO VĂN VIÊN

Tổng Tham Mm Trưởng QLVNCH

Thiếu Tướng NGUYEN XUAN TRANG

Phó-Tá Hành Quân Tổng Tham Mm Trưởng

Thiếu Tướng NGUYEN XUAN TRANG

Thiếu Tướng NGUYEN XUAN TRANG

Thiếu Tướng NGUYEN XUAN TRANG

Thiếu Tướng NGUYEN XUAN TRANG

Thiếu Tướng NGUYEN XUAN TRANG

Thiếu Tướng NGUYEN XUAN TRANG

Thiếu Tướng NGUYEN XUAN TRANG

Thiếu Tướng NGUYEN XUAN TRANG

Thiếu Tướng NGUYEN XUAN TRANG

Thiếu Tướng NGUYEN XUAN TRANG

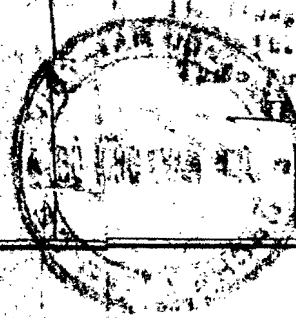
Thiếu Tướng NGUYEN XUAN TRANG

Thiếu Tướng NGUYEN XUAN TRANG

Thiếu Tướng NGUYEN XUAN TRANG

Thiếu Tướng NGUYEN XUAN TRANG

Thiếu Tướng NGUYEN XUAN TRANG



haub

PHỤ BẢN 3

II CÔNG THAM MƯU TRƯỞNG
QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA

(2)

4

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TỔNG THAM MƯU QLVNCH
PHÒNG TỔNG QUẢN TRỊ

Số : 6991 / TTM/TQT/NSV/HTP/KH

- Chiếu Huân-Thị số 650-403 ngày 27.01.1972 ấn-định nguyên-tắc và thể thức xin hoặc cấp phép kết-hôn trong QLVNCH,

- Chiếu giấy phép kết-hôn số 12867/TTM/TQT/NSV/HTP
ngày 26-8-1973

- Chiếu đơn xin của đương-sự do : BCH/BDQ

chuyển đệ (Tham-chiếu CP số 1633/BCH/BDQ/BI/NSV/HT ngày 8-4-1974)

QUYẾT - ĐỊNH

Điều 1 - Nay chấp thuận cho Trung Uy NGUYỄN HỮU ĐỨC số 60/179.975
thuộc Tiểu Đoàn 32 BDQ

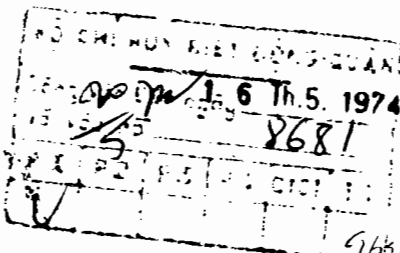
đã có giấy phép kết hôn với cô QUÁCH THI THANH HƯƠNG sinh ngày 10-6-48
hiện ngụ tại 117/1B đường Công Quỳnh, Quận II Sài Gòn
được triển hạn làm lễ thành-hôn trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày
01-05-1974

Lý-do : Gia đình ấn định đến cuối năm 1974 mới làm lễ thành hôn
nên chưa thể tiến hành trong thời gian hiệu lực của GPKH.

Điều 2 - Quyết-Định này phải được ghi chú và lưu xếp vào hồ-sơ quân-ba của đương-sự. /

NƠI NHẬN :

- BCH/BDQ/PI (2b + GPKH)
- Để nhật tu và tổng đạt SQ đương sự "
- Bộ TTM/P.TQT/TTHSCN (1b)
- Lưu (2b)



(1) Giới-chức thẩm quyền.

MXU
01.03.72

QD-1036



Ngày 17 tháng 11 đ. l. 1951.

Vu số 192 SA
Đón của Nguyễn văn Mèo
và Bùi thị Ngọc
Đã chuẩn phê tờ nhìn
sơn và thể về khai sách
của Nguyễn huân. Chi
và Nguyễn huân. Đức

hỏi như thế
M

Quốc - Gia Việt Nam

Sao lục những bản án của
phòng lục sự tòa án Quốc - Gia Việt
Nam tại Mỹ Tho.

Boa hoa giải cấp quyền
Mỹ Tho, xử cũng khai về việc dân sự
và số thẩm, có hợp tại ngay hôm nay
thứ ba, hai mươi bảy tháng mười một
tháng lịch năm một ngàn chín trăm
năm mươi một, giờ chín giờ ba mươi
có một ứng Nguyễn văn Sĩ Chánh. Ủy ứng
Nguyễn Kinh Kiệt. Lục sự, có quyền án
sau này:

Chị.

Boa số thẩm,

Chiến theo đơn từ ngày 30 tháng
9 đ. l. 1951 nạp ngày 22 tháng này tại phòng lục sự
bốn hoa, của vợ chồng Nguyễn văn Mèo và Bùi
thị Ngọc cư ngụ tại Mỹ Tho số 59 đường 9 đ. l. 1951,
và các lý lẽ như trong đây:

Đã nghe lời trình bày thêm
của đương sự;

Đã nghe lời trình bày của
quan Chánh. Án;

Sau khi nghị án như luật định;
Đã cũng khai, về việc dân sự
và số thẩm;

Đã về theo đơn từ ngày 30 tháng

q đ. l. 1951 hai tướng sự có tính cho báo biết
vững chúng nó có ăn ở với nhau không có hôn
chính và có hạ sanh được hai con con tại làng
vân hội mỹ (mytho):

10/- Nguyễn hiền chi sanh ngày
18 tháng 9 năm 1951;

10/- Nguyễn hiền chi sanh ngày
5 tháng 6 năm 1951;

hai đứa nhỏ này không có khai sanh và nay
chúng nó có làm một tờ đi ngày 19 tháng 9
năm 1951 xuất kỳ lịch phân tại mytho ngày 21
tháng 9 đ. l. 1951 quyết 26 tờ 26 có 196 tổng nhìn
nhận hai đứa nhỏ này là con ruột chính thức.
mới chúng nó, vì chúng nó với tên họ theo
học luật rồi theo làm tại châu thành mytho ngày
3 tháng 9 đ. l. 1951, nên chúng nó xin làm tờ đi
chuyển phủ tờ nhận con và theo ở khai sanh
cho hai đứa con;

Để vì theo và bằng diên tra và
ngày 25 tháng 10 đ. l. 1951 của bộ tướng bộ ba thị
xã mytho, thì những việc trên đây là thật; xin
báo chấp Tôn tướng sự;

Vì những lý ấy;

Phan vãng;

Chuyển phủ tờ nhận con chính
thức tờ ngày 19 tháng 9 đ. l. 1951 của bộ tướng
Nguyễn văn Mèo và Bùi thị Ngọc làm tại mytho
sống nhìn Nguyễn hiền chi và Nguyễn hiền
Đức làm con ruột chính thức;

Phan vãng;

1. Nguyễn huân. Chi (Tài) sinh
ngày 18 tháng 9 đ. l. năm 1938 tại làng Bân. Hời. Mỹ.
(Mỹ Tho) con chánh thức của Nguyễn văn. Mưu và
của Bùi. Thị. Ngọc;

2. Nguyễn huân. Đức (Tài) sinh
ngày 5 tháng 6 năm 1940 tại làng Bân. Hời. Mỹ.
(Mỹ Tho) con chánh thức của Nguyễn văn. Mưu và
của Bùi. Thị. Ngọc;

Thờ cúng ai vậy sẽ thờ vì khai
sinh cho Nguyễn huân. Chi và Nguyễn huân. Đức.

Đây rừng phần chui. văn phần.
quyết án này sẽ được chép ra giấy rồi vào
hai cuốn hộ sinh năm nay của làng Bân. Mỹ.
chánh (Mỹ Tho) và việc vào lễ hai tờ khai sinh
nào của ngày tháng gần hơn hết với ngày 18.9.
1938 và 5.6.1940, trong những cuốn hộ sinh từ
tại văn khố làng Bân. Hời. Mỹ (Mỹ Tho) và trong
những cuốn hộ sinh ấy nộp tại phòng lục sự
hòn đảo.

Đây rừng khi chép vào cuốn những
án này thì các chiến dịch của họ sẽ phải làm tròn
phần sự.

Bổ cho chúng tôi tài liệu để an
phủ từng lễ tang và ngày lễ tá 17.00.

Chỉ này tại văn khố và tại tang
phẩm với cùng khai của họ an quốc gia. Bính
ngày tháng và năm như nói trên.

Tờ chúng chắt những tài liệu
thêm hơn chánh bản án này có các ông Chánh
Án và lục sự ký tên vào.

(Bổ) thư như vậy
n

Thy' tên : Nguyễn văn Li' và Nguyễn
Kim - Khiết.

lời lẽ có vẻ câu :

Đang bắt phần tại huyện

ngày mười lăm tháng giêng 1952

quyển : 68. tờ : 31. số : 534.

châu : sáu chục tám đ. 4.

chủ sự quyển nhiếp.

Thy' tên : Nguyễn văn Cường và
nhân dân.

Chưa sao bản toàn sao y theo
bản chính đã duyệt lại và phát cho

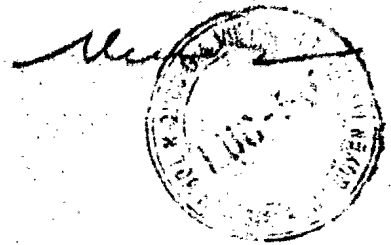
Nguyễn văn - Mèo, theo lời xin của y.

Quan Chánh lục. sự.

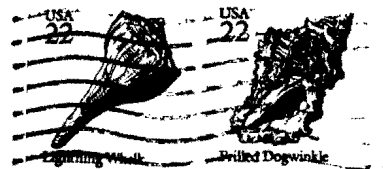
Bản toàn sao chép ra làm
hai tờ

Giá tiền

Giá tiền chi (1 quyển)	9.00.
Giá tiền chi (2 quyển)	10.00.
Giá tiền chi	9.50.
<u>Cộng chung</u>	<u>19.50</u>



Mr. & Mrs. Long Kim Huynh



FEB 27 1988

TO: MR + MRS KHUC MINH THU
P.O. BOX 5435 ARLINGTON
V. A. 22205-0635

U.S.A.

CONTROL

☐ Card
☒ Doc. Request; Form 2/24/88
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "D"
☐ ODP/Date _____
☐ Membership; Letter